

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **93**/NQ-CP

Hà Nội, ngày **05** tháng **7** năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế,
thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới;

Căn cứ các chủ trương, đường lối, chính sách lớn về hội nhập kinh tế quốc tế nêu tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030;

Trên cơ sở xem xét, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2014 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Sau 8 năm thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị

quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới, kết quả cho thấy từ các bộ, ngành trung ương tới chính quyền địa phương và cộng đồng doanh nghiệp đều đã có sự cố gắng và nỗ lực trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết, góp phần đưa công tác hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng được triển khai bài bản, có hiệu quả; đóng góp tích cực vào việc triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; thu hút nguồn lực to lớn cho quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong khi vẫn bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia, đặc biệt là an ninh kinh tế, đấu tranh làm thất bại âm mưu ý đồ, hoạt động lợi dụng quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam để can thiệp nội bộ, tác động chuyển hóa ta về chính trị. Thông qua việc triển khai Nghị quyết số 49/NQ-CP, hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách ngày càng được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Nhận thức trong cả hệ thống chính trị, các bộ, ngành trung ương tới chính quyền địa phương và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam về các mặt liên quan quá trình hội nhập kinh tế quốc tế từng bước được nâng cao. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước phát triển đồng bộ, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Việt Nam đã hình thành được mạng lưới đối tác kinh tế quốc tế rộng lớn thông qua các khuôn khổ hợp tác song phương, khu vực và đa phương. Chúng ta hiện đã thiết lập quan hệ chính thức với 189/193 quốc gia, có quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với trên 224 nước, vùng lãnh thổ, ký 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA) với trên 60 đối tác, đã có 71 đối tác công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường. Các thành tựu đạt được trong việc triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua, nổi bật là kinh tế tăng trưởng từng bước vững chắc và ngày càng được cải thiện, quy mô kinh tế ngày càng mở rộng, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, an sinh xã hội được chăm lo, đảm bảo hơn. Cán cân xuất, nhập khẩu hàng hoá được cải thiện rõ rệt, chuyển từ thâm hụt sang thặng dư, thị trường xuất khẩu được mở rộng và đa dạng. Các thị trường mà Việt Nam có ký kết các FTA thế hệ mới đều ghi nhận xuất khẩu tăng trưởng hàng năm. Sự gia tăng dòng vốn đầu tư nước ngoài thông qua hội nhập kinh tế quốc tế cũng đang là một động lực chính cho phát triển kinh tế của Việt Nam.

Bên cạnh những thành quả đạt được, việc thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP cũng cho thấy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế còn một số tồn tại, hạn chế căn bản là: Trong tổ chức hoàn thiện pháp luật, việc nhận thức về ý nghĩa, vai trò tầm quan trọng, thời cơ cũng như thách thức, đặc biệt là ở cấp địa phương trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hiểu biết đầy đủ cam kết quốc tế của Việt Nam để nội luật hóa thành các quy phạm pháp luật trong nước theo hướng linh hoạt, bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ lợi ích tối đa của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, công dân Việt Nam còn chưa thực sự

tốt. Sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm của nước ta mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn yếu so với thế giới, kể cả các nước trong khu vực. Hiệu quả tận dụng cơ hội, lợi ích từ các cam kết quốc tế trong một số lĩnh vực như khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo,... còn hạn chế. Sự thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa các lĩnh vực chính trị, an ninh quốc gia... với kinh tế và những nhóm ngành trên lĩnh vực về kinh tế, thương mại cũng như giữa các bộ, ngành, địa phương; hỗ trợ của Nhà nước đối với cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân, vẫn còn những hạn chế nhất định. Hội nhập kinh tế quốc tế chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững của nền kinh tế; mức độ đổi mới tư duy, sáng tạo trong suy nghĩ, quyết liệt trong hành động còn chưa thực sự cao.

Trong giai đoạn tới, tình hình trong nước, khu vực và thế giới được dự báo sẽ có nhiều biến động với những diễn biến phức tạp, khó lường. Cục diện đa cực, đa trung tâm trên thế giới ngày càng rõ nét; chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ, tranh chấp thương mại giữa các nước lớn có xu hướng tăng lên; các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống đang làm thay đổi trật tự, cấu trúc kinh tế, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới. Bên cạnh đó, xung đột nổi lên tại một số quốc gia - khu vực và hậu quả của đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục gây cản trở đối với dòng chảy thương mại, đầu tư quốc tế và làm “đứt gãy” các chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng tiêu cực tới kinh tế của từng quốc gia, khu vực và thế giới trong những năm tới. Tình hình trên đã đẩy nhanh hơn các xu hướng đã có như kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, phát triển xanh, bền vững và bao trùm. Trong bối cảnh đó, các quốc gia phải tìm điểm cân bằng mới giữa phát triển kinh tế, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế và bảo đảm an ninh quốc gia, đồng thời tích cực thúc đẩy và tận dụng những thành quả khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu.

Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu rõ: “Tiếp tục chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam”. Vấn đề đặt ra cần phải tiếp tục thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong thời gian tới để tận dụng tốt các cơ hội phục vụ cho phát triển bền vững kinh tế đất nước, kịp thời ứng phó, linh hoạt thích nghi với những khó khăn, thách thức và tác động tiêu cực trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam.

I. QUAN ĐIỂM

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, chú trọng tiếp tục đổi mới tư duy, cách làm, quyết liệt, đồng bộ, thống nhất trong hành động, giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối chiến lược phát triển kinh tế

của đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, bảo vệ vững chắc an ninh và toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường. Tạo điều kiện, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước. Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế đảm bảo lợi ích quốc gia - dân tộc.

2. Bám sát mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra tại Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2030: “Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế”.

3. Xây dựng nền kinh tế tự chủ phải phục vụ mục tiêu góp phần tăng cường sức mạnh nội sinh trên cơ sở làm chủ công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường. Nâng cao năng lực sản xuất quốc gia, chú trọng những nhóm lĩnh vực mới, hiện đại, hàm lượng công nghệ cao... để tăng tính tự chủ, tham gia hiệu quả, cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu và khả năng chống chịu hiệu quả trước các tác động lớn, bất thường từ bên ngoài. Phát huy nội lực là yếu tố quyết định gắn với ngoại lực và sức mạnh thời đại.

4. Hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm, ưu tiên của hội nhập quốc tế; hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế và phải được thực hiện đồng bộ trong một chiến lược hội nhập quốc tế tổng thể với lộ trình, phương án, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của đất nước. Hội nhập kinh tế quốc tế phải góp phần ngày càng thúc đẩy hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách trong nước phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước, phù hợp các cam kết, các thông lệ quốc tế và khu vực; chủ động xây dựng các quan hệ đối tác mới, tham gia vào các vòng đàm phán mới, thúc đẩy các quan hệ hợp tác kinh tế song phương, khu vực và đa phương tạo thuận lợi cho quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển bền vững kinh tế đất nước.

5. Thực hiện đa dạng hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, chú trọng hội nhập kinh tế số với các lộ trình linh hoạt, phù hợp với điều kiện, mục tiêu của đất nước trong từng giai đoạn. Chủ động dự báo sớm và xử lý hiệu quả, kịp thời các vấn đề, diễn biến phát sinh, giám sát chặt chẽ và quản lý hiệu quả các tác động của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

6. Các nhiệm vụ hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra cần có tính toàn diện, sâu sát, linh hoạt, chủ động, sáng tạo, có tính dự báo nhằm mang lại hiệu quả thực chất. Đẩy mạnh các hoạt động liên quan đến mở rộng quan hệ kinh tế thương mại song phương, đa phương, thu hút đầu tư nước ngoài, ký kết các hiệp định, điều ước quốc tế song đảm bảo tính trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên tính hiệu quả; tiếp tục chủ động trong công tác nghiên cứu, đàm phán và ký kết FTA với các đối tác bổ sung lợi ích để có thể mang lại hiệu quả về nhiều mặt; khai thác hiệu quả lợi ích các FTA mà Việt Nam đã ký kết làm động lực để phát triển xuất nhập khẩu cả về lượng và chất trên cơ sở đầu tư và ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại cùng với nguồn nhân lực chất lượng cao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách lớn đã đề ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII trong bối cảnh nước ta đang triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2030, trong đó trọng tâm là: Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế; bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhanh chóng phục hồi kinh tế vượt qua các tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19; chủ động hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng và hiệu quả nhằm thu hút nguồn lực bên ngoài cho phát triển, tăng cường sự gắn kết lợi ích với các đối tác và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, bảo đảm an ninh quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Chuyển hóa các lợi ích của hội nhập kinh tế quốc tế đã đạt được thành kết quả cụ thể trong việc tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ; nâng cao khả năng hấp thụ khoa học công nghệ và hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế; thúc đẩy phát triển các khu vực kinh tế trong nước, xác lập vị trí cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu; hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế, pháp luật đầy đủ, hiện đại, hội nhập hơn.

- Nâng cao mức độ và chất lượng hội nhập quốc tế nói chung và hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng đóng góp tích cực vào quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; thu hẹp khoảng cách phát triển so với các nước phát triển hơn trong khu vực và thế giới.

- Tăng cường hợp tác công - tư, huy động các nguồn lực xã hội, trong đó có hỗ trợ của các cơ chế đa phương, các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng doanh nghiệp,... trong quá trình thực thi các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, đặc biệt các cam kết trong các FTA.

- Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các tác động tiêu cực từ bên ngoài; tăng cường khả năng ứng phó và xử lý linh hoạt hiệu quả

trước các diễn biến trên thế giới có thể gây ra/đe dọa ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động xuất nhập khẩu, giao dịch thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế của các ngành kinh tế; hoàn thiện hệ thống phòng vệ thương mại để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Đồng thời, tăng cường năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam; tạo điều kiện, môi trường để các doanh nghiệp phát triển ổn định, vững chắc.

- Nhận thức đúng, đầy đủ về vai trò, vị trí của pháp luật quốc tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; chủ động, tích cực tham gia xây dựng quy tắc pháp lý quốc tế; tận dụng tối đa pháp luật quốc tế trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam trong quan hệ kinh tế quốc tế, nhất là trong giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh.

- Đẩy mạnh hợp tác, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 và hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Chủ động, tích cực tham gia hội nhập kinh tế số nhằm góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế số, xã hội số của Việt Nam theo Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế: trong đó chú trọng vào khai thác hiệu quả các FTA nhằm mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, không để phụ thuộc quá lớn vào một số thị trường. Tích cực đàm phán các hiệp định thương mại song phương và đa phương cũng như tham gia vào các mô hình, khuôn khổ hợp tác và liên kết mới về kinh tế. Tiếp tục hoàn thiện chính sách thương mại phù hợp với điều kiện của đất nước và hội nhập quốc tế.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Giải pháp thực hiện

a) Cải cách, hoàn thiện thể chế kinh tế

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách để thực hiện đầy đủ, tương thích với các nghĩa vụ và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt với các FTA thế hệ mới theo lộ trình đã đề ra. Tận dụng tối đa không gian chính sách mà Việt Nam được phép trong các cam kết để tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể của Việt Nam.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp quy hiện hành đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch, hiệu quả nhằm duy trì môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, ổn định và có thể dự đoán trước. Tập trung khắc phục kịp thời những hạn chế, bất cập về cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật trong các lĩnh vực thuế, đầu tư, thương mại, môi trường, quản lý thị trường,... nhằm giải phóng các nguồn lực cho phát triển, đảm bảo hiệu quả quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm thực hiện được các mục tiêu cải cách trong nước và tiến tới xây dựng hệ thống pháp luật với các quy định hiện đại, tiến bộ; tạo cơ sở cho việc triển khai các mô hình kinh doanh mới, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, dịch vụ ngân hàng số, công nghệ tài chính (fintech).

- Triển khai mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, xuất nhập khẩu, thuế,... và cắt giảm các điều kiện kinh doanh bất hợp lý, các thủ tục không cần thiết để đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình tra cứu và thực thi.

- Xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy xây dựng khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát của các lĩnh vực kinh tế - xã hội áp dụng các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp, mô hình kinh doanh mới/tích hợp để có chính sách quản lý phát triển kịp thời và phù hợp nhằm thúc đẩy kinh tế số, sáng tạo, khởi nghiệp. Đảm bảo nguyên tắc minh bạch, không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp.

- Xây dựng và triển khai thực thi các chiến lược, chương trình hành động, kế hoạch, đề án về hội nhập kinh tế quốc tế từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo nâng cao mức độ và chất lượng hội nhập kinh tế quốc tế để mở rộng thị trường, tranh thủ nguồn vốn, tài sản trí tuệ, công nghệ, kiến thức và kỹ năng quản lý từ các cường quốc trên thế giới; đồng thời chú trọng nâng cao năng lực hội nhập trong nước, đặc biệt tại các vùng và địa phương.

- Thúc đẩy cơ chế phối hợp giữa các cơ quan bộ ngành, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và các hiệp hội doanh nghiệp nhằm ứng phó và xử lý kịp thời, hiệu quả các diễn biến bất lợi trong thương mại - đầu tư quốc tế có thể gây ra thiệt hại đáng kể cho hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

- Tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại, phát triển bền vững, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, mua sắm Chính phủ, lao động, công đoàn... phù hợp với các cam kết FTA thế hệ mới và đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp, người lao động và nền kinh tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý Nhà nước, doanh nghiệp và người dân về hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung, đặc biệt là cơ hội, thách thức và những yêu cầu cần đáp ứng khi thực thi các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế nhằm tạo sự đồng thuận cao và tham gia hiệu quả vào quá trình hội nhập.

b) Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh

- Nâng cao hiệu quả cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo tính bình đẳng, minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh mang đến sự ổn định và dễ dự đoán của chính sách. Đưa ra các

mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, thực chất hơn để giải quyết triệt để được những vấn đề còn vướng mắc đối với môi trường kinh doanh. Khắc phục tình trạng thiếu kết nối, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan đối với từng lĩnh vực phụ trách. Phân định trách nhiệm rõ ràng đối với các cơ quan, đơn vị chủ trì để doanh nghiệp và người dân biết, giám sát chặt chẽ việc triển khai. Thực hiện thực chất, hiệu quả các quy định pháp luật nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước phát triển ổn định, tăng năng suất, chất lượng, tạo nền tảng, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển các sản phẩm, ngành hàng cụ thể gắn kết với chiến lược phát triển thương hiệu quốc gia nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu có chiều sâu, hiệu quả và bền vững; thực hiện tốt công tác cảnh báo sớm về các biện pháp phòng vệ thương mại, đồng thời tận dụng tốt các quy định quốc tế về chỉ dẫn địa lý, nguồn gốc xuất xứ, đăng ký bản quyền, thương hiệu, thúc đẩy áp dụng các giải pháp về mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc để bảo vệ doanh nghiệp và sản phẩm của Việt Nam trong thương mại quốc tế.

- Tích cực triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, du lịch, xây dựng thương hiệu; phát triển thương mại điện tử để tăng cường khả năng giao dịch, tìm kiếm, mở rộng thị trường. Phát huy vai trò của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài trong việc phối hợp với cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan liên quan trong và ngoài nước để mở rộng thị trường xuất khẩu, xúc tiến thương mại, du lịch và thu hút đầu tư; hỗ trợ bảo vệ quyền lợi của các doanh nghiệp Việt Nam trong các vụ tranh chấp thương mại.

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp. Cải thiện từng bước cơ sở hạ tầng logistics nội địa, đặc biệt là kho bãi và vận chuyển từ các vùng sản xuất tới các cảng quốc tế.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số trong quản lý Nhà nước hướng tới xây dựng Chính phủ số theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đồng bộ với thực hiện cải cách hành chính. Thực hiện tốt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022. Phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước một cách tập trung, thông suốt; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn để phục vụ tốt hơn cho các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế.

- Cập nhật đầy đủ, kịp thời các dữ liệu liên quan tới dịch vụ công; chú trọng các dịch vụ công thiết thực đối với người dân, cung cấp hạ tầng cho thúc đẩy kinh doanh thương mại điện tử.

c) Thực thi hiệu quả các FTA

- Rà soát, khắc phục sự chồng chéo giữa các bộ, ngành trong việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy hiệu quả vai trò của cơ quan chủ trì trong việc thực thi các cam kết FTA; xác định rõ vai trò và trách nhiệm của các bên trong việc xây dựng và triển khai các chiến lược, đề án, chương trình hành động phát triển kinh tế,... có liên quan và tác động đến nhiều bộ, ngành và địa phương.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành; phát huy hiệu quả cơ chế tham vấn giữa cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp trong quá trình đề xuất, lựa chọn đối tác và xây dựng phương án đàm phán các FTA mới cũng như trong việc tháo gỡ những khó khăn trong việc tiếp cận thị trường xuất khẩu; ký kết các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực mà Việt Nam có thế mạnh và tiềm năng xuất khẩu. Đẩy mạnh nghiên cứu, cảnh báo, phổ biến các biện pháp kỹ thuật của các nước cho các doanh nghiệp trong nước và các cơ quan quản lý liên quan đề chủ động đối phó với các rào cản kỹ thuật.

- Tiếp tục thực thi đầy đủ, nghiêm túc các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế và các cam kết trong các FTA; nghiên cứu, đề xuất phương án đàm phán các FTA mới cũng như nâng cấp một số FTA đã ký kết; nghiên cứu và tập trung triển khai có hiệu quả các FTA mà Việt Nam đã tham gia, đặc biệt là kế hoạch thực thi các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA và RCEP, tăng cường tận dụng ưu đãi trong các FTA để thúc đẩy xuất khẩu, mở rộng thị trường. Tận dụng các bảo lưu quyền/ngoại lệ (đặc biệt là các ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, các ngoại lệ của một số cam kết quy tắc), thực hiện linh hoạt các yêu cầu của cam kết vì lợi ích nội tại của Việt Nam.

- Triển khai Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các FTA thế hệ mới.

- Rà soát, đánh giá lộ trình thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay và tác động đối với từng ngành, lĩnh vực để điều chỉnh chiến lược phát triển ngành cho phù hợp, kịp thời nắm bắt những vấn đề phát sinh và đề xuất phương hướng giải quyết.

- Rà soát, đổi mới phương thức thực thi các cam kết về thương mại dịch vụ trong các FTA để tận dụng, khai thác các thị trường mới nhằm đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm dịch vụ công nghiệp thông tin, công nghiệp văn hóa của Việt Nam.

- Tăng cường các biện pháp hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển thương hiệu cho các ngành hàng và doanh nghiệp; tháo gỡ các khó khăn,

vướng mắc về mặt chính sách để phát triển nguồn nguyên liệu trong nước giúp doanh nghiệp đáp ứng quy tắc xuất xứ, tận dụng tốt hơn các cơ hội mang lại từ các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới.

- Đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền, phổ biến về các FTA. Phối hợp với Bộ Công Thương tiếp nhận, vận hành, nâng cấp và phát triển Cổng thông tin điện tử Hiệp định thương mại tự do của Việt Nam (FTAP) nhằm kết nối doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện các FTA.

d) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hậu COVID-19 và phát triển bền vững

- Chú trọng xây dựng các kịch bản ứng phó/thích ứng hiệu quả với các tình huống thiên tai, dịch bệnh,... trong thời gian tới. Tiến hành các biện pháp nhằm phục hồi chuỗi cung ứng, bảo đảm lưu thông hàng hoá, hoạt động sản xuất, kinh doanh an toàn, thông suốt của doanh nghiệp trong điều kiện bình thường mới. Duy trì và cải thiện năng lực cạnh tranh của các ngành có nguy cơ suy giảm xuất khẩu sau đại dịch. Tận dụng các cơ hội nhất định từ quá trình tái cơ cấu chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu hậu COVID-19 để tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp Việt Nam vào các chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu; tận dụng làn sóng dịch chuyển đầu tư hậu COVID-19 để thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, tăng trưởng xanh trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô. Thực hiện tốt Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2025. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, xã hội; đảm bảo an sinh xã hội cho người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế.

- Triển khai quyết liệt các chương trình đầu tư quy mô lớn, nhất là cho hạ tầng chiến lược, thúc đẩy các dự án hạ tầng giao thông liên vùng, năng lượng xanh, hạ tầng xanh, hạ tầng số quốc gia,... để tạo tác động lan tỏa, tạo động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế. Xây dựng các quy hoạch vùng, quy hoạch phát triển các ngành kết cấu hạ tầng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục đề xuất và thực hiện hiệu quả các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19, tạo cơ hội việc làm cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương. Xây dựng phương án phục hồi thị trường lao động giai đoạn hậu COVID-19 đảm bảo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất, nhất là nhóm doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Khuyến khích các phương thức đầu tư, mô hình kinh doanh mới, xanh, ít phát thải, có sự tham gia của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, đầu tư tư nhân, nhất là phát huy hiệu quả mô hình

hợp tác công - tư vào đầu tư cơ sở hạ tầng. Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của doanh nghiệp đầu tư; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người lao động.

- Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo, chú trọng đào tạo nhân lực số, lao động có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, sẵn sàng đón nhận xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển bền vững, xác định rõ và tập trung thực hiện đồng bộ hài hòa các mục tiêu về kinh tế, xã hội và môi trường. Thực hiện tốt các cam kết quốc tế liên quan đến môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

đ) Hội nhập toàn diện trên các lĩnh vực văn hóa xã hội, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng

- Chủ động tham gia xây dựng, định hình các cấu trúc kinh tế - thương mại khu vực và toàn cầu, trong đó có việc xây dựng các văn kiện định hướng của WTO, ASEAN, APEC, ASEM, các cơ chế tiêu vùng Mê Công, nhất là trong các lĩnh vực hợp tác mới như chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển bao trùm, bền vững.

- Phối hợp chặt chẽ với các thành viên của ASEAN, ASEM, APEC trong các vấn đề hợp tác chính sách, xây dựng các sáng kiến và định hướng hợp tác trong giai đoạn hậu COVID-19 và tham gia chủ động, tích cực tại các diễn đàn này nhằm đảm bảo sự hợp tác xuyên suốt, hiệu quả.

- Thực hiện tốt công tác dự báo, phân tích, đánh giá và nhận định đúng, đầy đủ, kịp thời tình hình thế giới và khu vực, nhất là những biến động lớn ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta để có những quyết sách và hành động nhanh chóng, quyết liệt và phù hợp; gắn kết hài hòa giữa hội nhập quốc tế với đổi mới trong nước; phát huy tối đa và kết hợp chặt chẽ, hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước.

- Tăng cường nghiên cứu, tìm hiểu các xu thế phát triển, các sáng kiến mới, chính sách và kinh nghiệm của các quốc gia trong quá trình hội nhập, đặc biệt là các quốc gia đang thực thi hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế.

- Mở rộng và dần đi vào chiều sâu các hoạt động hội nhập trong lĩnh vực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, từ nghiên cứu cơ bản đến nghiên cứu ứng dụng; khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, nghiên cứu liên ngành, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường chất lượng; chuyển giao công nghệ, thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ trong nước,... để phục vụ có hiệu quả hơn cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn khoa học và công nghệ đa phương thông qua

việc tham gia các sự kiện quốc tế, ứng cử và đảm nhiệm các vị trí quan trọng tại các tổ chức quốc tế; chủ động đề xuất các sáng kiến, tạo dấu ấn tích cực, nâng cao vị thế và giá trị Việt Nam trong quan hệ với các nước.

- Hoàn thiện thể chế, bảo đảm củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phân cấp, phân quyền trên cơ sở bảo đảm tính kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài hợp tác kinh doanh lâu dài. Tạo điều kiện, cơ hội cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với bảo vệ, phát triển bền vững, hiệu quả ở các vùng, khu vực quan trọng trên cả nước. Giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia trong các mối quan hệ quốc tế, bảo đảm kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển với tăng cường mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế, chú trọng hợp tác kinh tế biển với các nước có thể mạnh, tạo đan xen lợi ích.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trên biển. Thiết lập thể trận an ninh liên quan bên trong với bên ngoài biên giới quốc gia và trên không gian mạng, đặc biệt coi trọng an ninh mạng.

2. Phân công nhiệm vụ

a) Bộ Công Thương

- Triển khai xây dựng Bộ chỉ số đánh giá FTA (FTA Index) để tạo cơ sở đánh giá kết quả thực thi FTA tại các bộ ngành, địa phương trên cả nước. Đầu mỗi đơn đốc triển khai có hiệu quả các FTA mà Việt Nam đã tham gia, đặc biệt là Kế hoạch thực thi các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA và RCEP.

- Xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại để thực thi có hiệu quả cam kết quốc tế. Nghiên cứu, xây dựng hệ thống chính sách, pháp luật mới nhằm tạo đột phá phát triển các ngành công nghiệp, thương mại trong nước, nhất là các ngành mới phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Triển khai có hiệu quả Đề án “Nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 1137/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án “Nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới theo Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Đoàn đàm phán Chính phủ nghiên cứu, đề xuất đàm phán, xây dựng phương án đàm phán FTA đối với các cam kết trong lĩnh vực Bộ phụ trách và trình Thủ tướng

Chính phủ các phương án tổng thể về tổ chức, đàm phán, ký kết các FTA cũng như thực thi các FTA đã ký kết; thường xuyên tham vấn với VCCI, các Hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp về đàm phán các FTA đang, sẽ triển khai và tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực thi các FTA.

- Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành và địa phương nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng đa dạng về hình thức, chuyên sâu về những nội dung mà cộng đồng doanh nghiệp quan tâm.

- Tiếp tục triển khai tổ chức các kỳ họp Ủy ban Liên chính phủ, Ủy ban hỗn hợp, Tiểu ban thương mại, các thỏa thuận và các cơ chế hợp tác đã thiết lập, đàm phán thành lập các Ủy ban Liên chính phủ, Ủy ban hỗn hợp, Tiểu ban thương mại mới với các nước đối tác.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025; trong đó chú trọng xây dựng và thực hiện các giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, đặc biệt là đầu tư từ các đối tác FTA, gắn với cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trong nước; đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư theo hướng hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm vào các đối tác tiềm năng, thu hút các nhà đầu tư chiến lược có năng lực kinh nghiệm, tài chính, các tập đoàn xuyên quốc gia có công nghệ cao, công nghệ nguồn, công nghệ xanh thân thiện với môi trường.

- Phối hợp với các địa phương theo dõi, tổng hợp số liệu đầu tư của các nước tham gia FTA với Việt Nam, cung cấp cho Bộ Công Thương tiến hành theo dõi việc thực thi các FTA.

- Nghiên cứu khả năng mở cửa một số phân ngành dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia ở mức độ phù hợp; thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp trong nước có tiềm lực về vốn, công nghệ, năng lực cạnh tranh, có khả năng tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu để tận dụng xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng vào Việt Nam và nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025.

c) Bộ Tài chính

- Rà soát và hoàn thiện khung khổ, thỏa thuận hợp tác tài chính với các đối tác quan trọng như các tổ chức tài chính, diễn đàn tài chính quốc tế và các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính tại các nước đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược và đối tác truyền thống của Việt Nam.

- Phát triển chiều sâu nâng cao hiệu quả thực chất hợp tác tài chính và hoạt động đối ngoại trong lĩnh vực tài chính, định hình các công cụ, cơ chế tài chính khu vực để hỗ trợ quản lý kinh tế vĩ mô, tài chính công, thị trường tài chính; tăng cường đối thoại chính sách nhằm nâng cao độ tin cậy trong quan hệ đối tác hợp tác tài chính và quảng bá, thu hút nguồn lực từ bên ngoài, huy động tiếp nhận và quản lý hiệu quả các hoạt động/chương trình hỗ trợ kỹ thuật của các đối tác dành cho Bộ Tài chính.

- Hoàn thiện đồng bộ thể chế và thực thi các cam kết hội nhập về thuế, hải quan, dịch vụ bảo hiểm, chứng khoán, kế toán - kiểm toán,... Nghiên cứu, đề xuất thực thi cam kết thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong các khuôn khổ song phương và đa phương một cách chủ động hơn nhằm giảm tập trung thương mại, đặc biệt là nhập khẩu từ một số đối tác cụ thể.

- Tăng cường hiệu quả thực hiện các cam kết hội nhập tài chính thông qua việc nâng cao chất lượng công tác phân tích, dự báo tác động tới nền kinh tế và lĩnh vực tài chính; nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách để đảm bảo an toàn tài chính trong điều kiện thực hiện đầy đủ cam kết hội nhập quốc tế; tăng cường và nâng cao hiệu quả thông tin tuyên truyền về lợi ích và thách thức từ thực thi các cam kết tài chính tới các tổ chức, cá nhân có liên quan, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước; đẩy mạnh việc triển khai đồng bộ, đầy đủ Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN, hải quan số, hải quan thông minh, cấp mã số thuế tự động; mở rộng và tăng cường hợp tác với các cơ quan hải quan trên thế giới.

d) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

- Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng mà trọng tâm là xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém và nợ xấu; đồng thời nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh, tăng sự minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế trong quản trị và hoạt động của các tổ chức tín dụng.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số ngành ngân hàng và tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của khách hàng trong lĩnh vực thanh toán.

- Triển khai có hiệu quả Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.

- Triển khai có hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

d) Bộ Ngoại giao

- Tiếp tục mở rộng, làm sâu sắc hơn quan hệ và tăng cường đan xen lợi ích với các đối tác quan trọng; thúc đẩy, tạo lập, nâng cấp các khuôn khổ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư; nghiên cứu thúc đẩy, hình thành các quan hệ đối tác theo lĩnh vực phù hợp với lợi ích của ta như kinh tế số, tăng trưởng xanh, đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư... Tranh thủ hiệu quả các yếu tố thuận lợi và nguồn lực bên ngoài nhằm huy động vốn, công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước.

- Phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế, diễn đàn kinh tế quốc tế, nhất là các cơ chế, diễn đàn có tầm quan trọng chiến lược, phù hợp với lợi ích và điều kiện của đất nước; đẩy mạnh tham gia của Việt Nam vào các cơ chế, khuôn khổ hợp tác đa phương về kinh tế, trong đó có việc đảm nhiệm vai trò đồng Chủ tịch Chương trình Đông Nam Á của OECD giai đoạn 2022 - 2025.

- Tiếp tục vận động các các đối tác, tổ chức quốc tế, các cơ chế đa phương hỗ trợ nâng cao năng lực y tế, thúc đẩy các dự án đầu tư, hỗ trợ sản xuất và chuyển giao công nghệ vắc-xin, thuốc điều trị, trang thiết bị y tế trong phòng chống dịch COVID-19.

- Tăng cường triển khai các hoạt động kết nối giữa các địa phương, doanh nghiệp với các cơ quan đại diện và đối tác nước ngoài nhằm tận dụng các cơ hội hợp tác đầu tư, thương mại, hỗ trợ, bảo hộ quyền lợi chính đáng của người dân, doanh nghiệp tại nước ngoài.

- Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển phù hợp với xu thế và đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức hỗ trợ các ngành, địa phương và doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế và thương mại quốc tế xây dựng phương án vận động ngoại giao chung và trong từng lĩnh vực cụ thể nhằm hỗ trợ cho quá trình đàm phán các FTA và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về các xu thế thương mại, kinh tế quốc tế, sự điều chỉnh chính sách của các đối tác lớn, tham gia của ta vào các khuôn khổ như Khuôn khổ hợp tác kinh tế khu vực Ấn Độ Dương- Thái Bình Dương... để kịp thời tham mưu Chính phủ về các chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

e) Bộ Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và và Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế và thương mại quốc tế nghiên cứu, đề xuất đàm phán, tổng hợp, xây dựng phương án đàm phán trong lĩnh vực dịch vụ pháp lý và các lĩnh vực khác khi được Chính phủ phân công.

- Phối hợp với Bộ Công Thương tổng hợp phương án đàm phán tổng thể trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đồng thời phối hợp với Bộ Công Thương trong việc xây dựng, triển khai các phương án đàm phán về pháp lý và thể chế.

- Chủ động phối hợp với các bộ, ngành và tổ chức liên quan đánh giá các cam kết trong lĩnh vực dịch vụ pháp lý và các lĩnh vực liên quan khi được phân công nhằm bảo đảm phương án đàm phán và nội dung cam kết trong các FTA đạt được hiệu quả tối ưu cho Việt Nam.

- Phối hợp với cơ quan đề xuất đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt trong việc đánh giá tác động pháp lý của các FTA, điều ước quốc tế làm cơ sở đề trình cấp có thẩm quyền đề xuất, quyết định việc đàm phán, ký và phê chuẩn, phê duyệt FTA, điều ước quốc tế để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

- Phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan liên quan thực hiện việc rà soát, đánh giá tương thích của hệ thống pháp luật Việt Nam với các yêu cầu, nghĩa vụ phải thực hiện theo các FTA.

- Nâng cao chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam.

- Nghiên cứu, đề xuất việc tiếp thu các quy tắc tốt của pháp luật quốc tế, nhất là trong lĩnh vực tư pháp quốc tế, góp phần hoàn thiện và làm hiện đại pháp luật trong nước phục vụ hội nhập quốc tế.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng pháp luật quốc tế theo hướng hiện đại, tiến tới ngang tầm khu vực và quốc tế.

- Giúp Chính phủ xây dựng, trình Quốc hội dự án Luật Tương trợ tư pháp dân sự.

g) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia đến năm 2030 và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, phù hợp với thông lệ quốc tế và tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo hướng hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với doanh nghiệp Việt Nam.

- Xây dựng và phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI), đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

- Triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch về tăng cường hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phục vụ công tác hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể: (i) Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ

doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập quốc tế đến 2025, định hướng đến 2030" (Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ); (ii) Đề án "Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc" (Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ); (iii) Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc thực thi các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong khuôn khổ WTO, CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP và các FTA mà Việt Nam tham gia. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

h) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thúc đẩy thị trường theo hướng liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm nông nghiệp xanh, an toàn, hữu cơ, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước.

- Khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng và của từng địa phương, tổ chức liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng để xây dựng vùng nguyên liệu chuyên canh, phát triển cụm liên kết. Huy động các tổ chức nghiên cứu quốc tế, tập đoàn trong và ngoài nước xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo nông nghiệp cấp vùng tại Việt Nam.

- Tăng cường hợp tác với các cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu để đảm bảo việc giải quyết kịp thời các rào cản kỹ thuật và các tranh chấp phát sinh trong thương mại nông, lâm, thủy sản.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, tận dụng công nghệ 4.0 để thực hiện số hóa nền nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất và tăng khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam.

- Phát triển công nghiệp chế biến hàng nông sản, nâng cao giá trị, chất lượng, khả năng cạnh tranh cho nông sản, góp phần chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sản xuất, hướng tới xuất khẩu, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước nhằm phát triển công nghiệp phụ trợ và công nghiệp chế biến quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với các chuỗi giá trị nông sản khu vực và toàn cầu.

- Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới theo hướng xanh, bền vững, tăng tốc độ các xã đạt chuẩn nông thôn mới; rà soát và hoàn thiện các chỉ tiêu, tiêu chí về môi trường nông thôn; xây dựng làng sinh thái, làng thông minh thích ứng với khí hậu.

i) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tổ chức triển khai thực hiện Chiến

lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; phối hợp các bộ ngành, địa phương định kỳ hàng năm báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện.

- Chủ trì tổ chức triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực thi Luật Giao dịch điện tử theo hướng bổ sung quy định về các dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử, hoạt động của nền tảng số, dữ liệu số, dịch vụ số trực tuyến, dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số, Chiến lược an toàn an ninh mạng quốc gia, Chiến lược dữ liệu quốc gia.

- Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam; đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy chuyển đổi số các doanh nghiệp lớn và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

- Xây dựng và triển khai Chuẩn kỹ năng số và Khung kỹ năng số quốc gia.

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế nhằm tạo sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân về các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế.

k) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 210/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai Chiến lược phát triển văn hóa đối ngoại của Việt Nam.

- Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

- Đẩy mạnh kết hợp phát huy, quảng bá các giá trị văn hóa dân tộc, các sản phẩm công nghiệp văn hóa đỉnh cao của Việt Nam ra thế giới với việc khai thác hiệu quả các FTA, mở rộng và đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu. Phát triển sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia trong giai đoạn tới.

l) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội; chủ trì phối hợp với Tổ chức Lao động quốc tế và các bộ ngành liên quan thực hiện hiệu quả Chương trình việc làm thỏa đáng giai đoạn 2022 - 2026 và Bản ghi nhớ về hợp tác thúc đẩy các tiêu chuẩn lao động quốc tế tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và các tổ chức liên quan triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; nghiên cứu khả năng gia nhập Công ước số 87 của Tổ chức Lao động quốc tế; tham mưu, triển khai thực hiện cam kết về lao động trong các FTA thế hệ mới mà Việt Nam tham gia.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ ngành và địa phương rà soát, đề xuất hoàn thiện chính sách và pháp luật liên quan về lao động, xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, đặc biệt là đối với nhóm yếu thế và đảm bảo các mục tiêu về việc làm thỏa đáng được lồng ghép vào các Chiến lược và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

m) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chỉ đạo xử lý các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách liên quan đến quản lý chất thải rắn, chất lượng không khí, môi trường làng nghề, môi trường nước và các lưu vực sông, môi trường biển và hải đảo; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng và vệ sinh môi trường.

- Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường; xây dựng và thực hiện chương trình, dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống thông tin và báo cáo môi trường, đẩy mạnh công tác truyền thông môi trường nhằm tăng cường thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và cộng đồng đối với môi trường.

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường nhằm khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, đảm bảo hiệu quả quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong các vấn đề bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện các cam kết quốc tế liên quan, đặc biệt là các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26).

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới hệ thống pháp luật về biển và hải đảo trên cơ sở đánh giá, tổng kết việc thực hiện Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Đẩy nhanh việc lập và trình ban hành Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế biển, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

- Đẩy nhanh việc chuẩn hóa dữ liệu và thống nhất quản lý sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quốc gia, bao gồm hệ thống cơ sở dữ liệu giao khu vực biển cho các tổ chức, cá nhân. Triển khai việc tích hợp và số hóa cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường biển của các bộ, địa phương với cơ sở dữ liệu biển và hải đảo quốc gia.

- Nghiên cứu, đề xuất thành lập Nhóm đối tác kinh tế biển xanh nhằm huy động sự tham gia của các bên liên quan, góp phần hướng tới quản lý hiệu quả và thúc đẩy sự phát triển bền vững của kinh tế biển Việt Nam.

n) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, đặc biệt là giáo dục đại học ngang tầm chất lượng và phù hợp với các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ cuộc Cách mạng công nghệ lần thứ tư; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các ngành công nghệ cao trước xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng vào Việt Nam, đặc biệt trong các ngành mũi nhọn như công nghiệp điện tử, bán dẫn.

- Nâng cao chất lượng đào tạo gắn kết với nhu cầu lao động của địa phương, doanh nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động; áp dụng các phương pháp đào tạo của các tổ chức đào tạo nhân lực quốc tế...

o) Bộ Quốc phòng

- Chủ động tham gia xử lý các vấn đề quốc tế và khu vực. Tiếp tục triển khai cử lực lượng quân đội tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

- Tăng cường kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh và đối ngoại, thúc đẩy đối ngoại quốc phòng, an ninh bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

- Tiếp tục đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác có tầm quan trọng chiến lược đối với sự phát triển và an ninh của đất nước; đưa các khuôn khổ quan hệ đã xác lập đi vào thực chất, tạo sự đan xen gắn kết lợi ích giữa nước ta với các đối tác.

- Chủ động thúc đẩy tham gia hội nhập quốc tế về quốc phòng và hợp tác quốc tế về quốc phòng nhằm xây dựng lòng tin với các đối tác, tổ chức quốc tế, góp phần bảo vệ môi trường hòa bình, bảo vệ tổ quốc từ sớm, từ xa nhằm

tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập quốc tế về kinh tế...

- Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Triển khai hiệu quả Kết luận số 53-KL/TW ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo, Nghị quyết số 806-NQ/QUTW ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Quân ủy Trung ương về Hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo, Đề án Hội nhập quốc tế về quốc phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tạo sự đan xen, gắn kết lợi ích giữa Việt Nam với các nước đối tác.

- Thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực kinh tế quốc phòng, hợp tác công nghiệp quốc phòng dưới các hình thức đầu tư, liên doanh, liên kết sản xuất, thương mại quân sự,... với các đối tác phù hợp nhằm góp phần nâng cao tiềm lực quốc phòng, đóng góp vào phát triển kinh tế chung của đất nước.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Kết luận số 57-KL/TW ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh, đặc biệt trên những khu vực trọng yếu về quốc phòng - an ninh.

p) Bộ Công an

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, chủ động triển khai công tác bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế theo chức năng, nhiệm vụ. Đẩy mạnh công tác nắm tình hình, tham mưu chiến lược, tham mưu chuyên ngành phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục triển khai hiệu quả Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về an ninh, trật tự; bảo đảm tạo môi trường đầu tư, pháp lý an ninh, an toàn cho quá trình phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế. Phát triển công nghiệp an ninh để thúc đẩy hội nhập và tăng cường năng lực tự chủ bảo vệ an ninh, hòa bình, ổn định của đất nước.

- Hoàn thành Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia”; xây dựng Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030; phối hợp với các bộ, ngành liên quan bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hoàn thiện các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Nghiên cứu, thúc đẩy mở rộng các kênh hợp tác quốc tế với các nước và các tổ chức quốc tế nhằm tăng cường nắm tình hình, trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và phối hợp triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu

tranh, ngăn chặn, xử lý các loại tội phạm, nhất là tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao...; chủ động phát hiện những khó khăn vướng mắc trong hợp tác để tác động các nước, các đối tác cùng phối hợp tháo gỡ, giải quyết nhằm đảm bảo tối đa lợi ích của Việt Nam, hạn chế mức thấp nhất thiệt hại; vận động, tranh thủ, đề nghị các nước ủng hộ quan điểm, chủ trương, hoạt động của Việt Nam trong các diễn đàn kinh tế, các vấn đề liên quan lợi ích, an ninh quốc gia Việt Nam.

- Mở rộng hoạt động hợp tác quốc tế với Liên hợp quốc; các đối tác nước ngoài để triển khai Đề án “Công an nhân dân Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc”; đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ để sẵn sàng cử cán bộ, sỹ quan tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

q) Bộ Xây dựng

- Hoàn thiện các quy định pháp luật, công cụ quản lý để kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị hiệu quả, gắn kết với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nông thôn.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển đô thị quốc gia, nâng cấp đô thị quốc gia, phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030 và Đề án “Phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030”.

- Đẩy nhanh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng theo hướng tiệm cận dần với tiêu chuẩn quốc tế; hoàn thiện hệ thống định mức, đơn giá xây dựng.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Bộ Xây dựng giai đoạn 2021 - 2025.

r) Bộ Giao thông vận tải

- Đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ với một số công trình hiện đại; tập trung ưu tiên đầu tư, sớm đưa vào sử dụng các công trình, dự án trọng điểm về giao thông đường bộ, đường biển, đường hàng không kết nối vùng, khu vực, các trung tâm kinh tế trong cả nước và quốc tế, từ đó hỗ trợ hiệu quả cho phát triển công nghiệp và xuất khẩu. Thúc đẩy thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức đối tác công - tư.

- Đẩy mạnh triển khai các chiến lược, chương trình và kế hoạch tăng cường hợp tác, kết nối giao thông vận tải với các nước láng giềng, khu vực và trên thế giới nhằm tranh thủ các nguồn lực để tiếp tục phát triển hệ thống giao thông vận tải và khôi phục hoạt động vận tải quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu đi

lại cũng như phục hồi chuỗi cung ứng, lưu thông hàng hóa trước tác động của đại dịch COVID-19.

s) Ủy ban Dân tộc

- Phối hợp với các bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021.

- Tăng cường hợp tác quốc tế để huy động nguồn lực thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia theo Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2152/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2020.

t) Các bộ, ngành khác

- Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan, triển khai đồng bộ các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện các giải pháp nêu tại Nghị quyết này.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Đoàn đàm phán chính phủ về kinh tế và thương mại quốc tế nghiên cứu, đề xuất đàm phán, xây dựng phương án đàm phán FTA đối với các cam kết trong lĩnh vực bộ ngành phụ trách. Tiếp tục bám sát vào Kế hoạch thực hiện các FTA đã có, triển khai đầy đủ và đúng tiến độ các nhiệm vụ được nêu tại Kế hoạch thực hiện.

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, luật pháp, các quy định về thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư, kinh doanh và xây dựng hệ thống thông tin hội nhập trên tất cả các lĩnh vực, nhất là về thị trường, thương mại, đầu tư, dịch vụ, du lịch...

u) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết này phù hợp với đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước và với đặc thù của địa phương.

- Chủ động đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp tại địa phương trong quá trình thực thi các cam kết FTA. Tận dụng các cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại một cách hiệu quả, phù hợp với các quy định, luật lệ, chuẩn mực quốc tế và các thể chế đa phương để bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện nhanh và hiệu quả Quyết định số 749/QĐ-TTg ban hành Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030...

- Tăng cường phối hợp tổ chức các hoạt động giao thương, kết nối cung cầu hàng hóa, mở rộng hoạt động giao lưu học hỏi kinh nghiệm quốc tế, khu vực; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh quảng bá, giới thiệu sản

phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, nhất là các mặt hàng nông sản ra thị trường thế giới.

- Chủ động chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vừa phòng, chống dịch, vừa duy trì ổn định sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu an toàn, hiệu quả.

- Tăng cường kết nối với cơ quan đầu mối là Bộ Công Thương trong quá trình thực thi các cam kết FTA để bảo đảm tránh trùng lặp, lãng phí và đạt hiệu quả thực thi tối ưu trong bối cảnh nguồn lực còn hạn chế.

- Phối hợp với Bộ Công Thương tiếp nhận, vận hành, nâng cấp và phát triển Cổng thông tin FTAP nhằm kết nối doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện các FTA.

- Phát triển kinh tế vùng theo hướng tích hợp, đa ngành, xây dựng các chuỗi giá trị hàng hóa, dịch vụ tận dụng lợi thế đặc thù của mỗi vùng, địa phương; tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng từ đó tham gia hiệu quả vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới, đồng thời giảm thiểu các biến động khi xảy ra gián đoạn chuỗi cung ứng.

- Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, hiệp hội ngành hàng triển khai các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế một cách thiết thực và hiệu quả; đánh giá và báo cáo kết quả đạt được cũng như những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này.

v) Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề

- Đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền nội dung, tác động, giải pháp tận dụng cơ hội, ứng phó thách thức từ các cam kết WTO, FTA và các cam kết khác về thương mại và đầu tư theo từng lĩnh vực, vấn đề, thị trường mà doanh nghiệp quan tâm.

- Tham gia góp ý, phản biện từ góc độ doanh nghiệp cho việc xây dựng pháp luật, chính sách thực thi các cam kết FTA.

- Thực hiện việc giám sát từ góc độ doanh nghiệp đối với việc thực thi cam kết FTA của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cũng như các đối tác, đặc biệt trong các khía cạnh có liên quan trực tiếp tới quyền và lợi ích của doanh nghiệp.

- Tổng hợp, phản ánh các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp trong thực thi các cam kết và trong quá trình hội nhập, tham mưu đề xuất giải pháp chính sách để khắc phục kịp thời, hiệu quả các bất cập.

- Tổng hợp ý kiến doanh nghiệp, tham vấn thực thi và hiệu quả với các cơ quan đàm phán trong đàm phán các FTA mới, nâng cấp các FTA hiện có.

- Tư vấn, hỗ trợ, đại diện doanh nghiệp tham gia vào quy trình giải quyết các rào cản thương mại quốc tế, các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại và các vụ việc khác, đặc biệt ở các thị trường nước ngoài.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung nhiệm vụ chủ yếu trong Nghị quyết này và căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ hàng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Công Thương trước ngày 05 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế chủ trì theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết này, tổng hợp tình hình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế và Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế theo định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (2b).

94

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trần Hồng Hà